

**EDUCATION ON THE PREVENTION
OF CHILD SEXUAL ABUSE FOR
STUDENTS: A CASE STUDY FROM
SEMI-BOARDING ETHNIC MINORITY
PRIMARY SCHOOLS IN MUONG NHE
DISTRICT, DIEN BIEN PROVINCE**

Phi Dinh Khuong

*Faculty of Social Sciences and Humanities,
Thai Nguyen University of Sciences,
Thai Nguyen province, Vietnam*

*Corresponding author: Phi Dinh Khuong,
email: khuongpd@tnus.edu.vn

Received April 1, 2025.

Revised April 28, 2025.

Accepted July 31, 2025.

**GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG XÂM
HẠI TÌNH DỤC CHO HỌC SINH TỪ
THỰC TIỄN CÁC TRƯỜNG PHỔ
THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ TIỂU
HỌC HUYỆN MƯỜNG NHÉ,
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Phí Đình Khương

*Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn,
Trường Đại học Khoa học, Đại học
Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Phí Đình Khương,
email: khuongpd@tnus.edu.vn

Ngày nhận bài: 1/4/2025.

Ngày sửa bài: 28/4/2025.

Ngày nhận đăng: 31/7/2025.

Abstract. Sexual abuse prevention education for primary school students is an urgent task, especially in remote and mountainous areas where ethnic minority students have limited awareness and self-protection skills. This study investigates the practical implementation of this educational content at semi-boarding ethnic minority primary schools (PTDTBT) in Muong Nhe District, Dien Bien Province an area with particularly difficult socio-economic conditions and ethnic diversity. Data were collected through questionnaires, field observations, and analyzed using SPSS software. The findings reveal significant limitations in the awareness of students, teachers, and parents, alongside a lack of appropriate teaching materials, curricula, and pedagogical skills for delivering sensitive content. Based on these realities, the study proposes practical solutions to improve the effectiveness of sexual abuse prevention education, aiming to build a safe, friendly learning environment and to enhance self-protection skills among ethnic minority primary school students.

Keywords: Sexual abuse, education, current situation, primary school, students.

Tóm tắt. Giáo dục phòng chống xâm hại tình dục (XHTD) cho học sinh tiểu học là nhiệm vụ cấp thiết, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa nơi học sinh dân tộc thiểu số còn hạn chế về nhận thức và kỹ năng tự bảo vệ. Nghiên cứu này khảo sát thực tiễn triển khai nội dung này tại các trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) tiểu học ở huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và đa dạng dân tộc. Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi, quan sát thực tế và phân tích qua phần mềm SPSS. Kết quả cho thấy nhiều bất cập trong nhận thức của học sinh, giáo viên, phụ huynh; đồng thời thiếu tài liệu, chương trình phù hợp và kỹ năng sư phạm trong truyền đạt nội dung nhạy cảm. Từ thực tiễn, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục phòng chống XHTD, góp phần xây dựng môi trường học an toàn, thân thiện và phát triển năng lực tự bảo vệ cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số.

Từ khóa: Xâm hại tình dục, giáo dục, thực trạng, tiểu học, học sinh.

1. Mở đầu

Xâm hại tình dục (XHTD) trẻ em là một trong những vấn đề nghiêm trọng mang tính toàn cầu, để lại hậu quả lâu dài về thể chất, tâm lý và sự phát triển nhân cách của trẻ. Trên thế giới, hàng triệu trẻ em mỗi năm trở thành nạn nhân của XHTD, gây ra những tổn thương không thể phục hồi. Tại Việt Nam, mặc dù các cơ quan chức năng đã nỗ lực tuyên truyền, phòng ngừa và xử lý vi phạm, nhưng số vụ việc liên quan đến XHTD trẻ em vẫn diễn ra phức tạp, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa, nơi trẻ em còn thiếu kiến thức và kỹ năng tự bảo vệ.

Trước thực trạng đáng báo động đó, việc xây dựng các biện pháp phòng ngừa toàn diện từ gia đình, nhà trường, đến xã hội là điều cấp thiết. Trong đó, trường học đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục kỹ năng nhận diện và phòng tránh XHTD cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục phù hợp. Trong những năm qua, một số văn bản hướng dẫn về giáo dục phòng chống XHTD trong trường học đã được ban hành. Tuy nhiên, trên thực tế, việc triển khai tại nhiều địa phương còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và chưa thực sự hiệu quả, đặc biệt ở các khu vực khó khăn. Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 23/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020-2025, giáo dục phòng chống xâm hại tình dục đã trở thành một phần nội dung giáo dục giới tính trong nhà trường tiểu học, giúp các em hình thành và phát triển kỹ năng bảo vệ bản thân một cách an toàn [1].

Tại Hoa Kỳ, số liệu công bố năm 2023 cho thấy, 51 tiểu bang đã báo cáo có 588.229 nạn nhân trẻ em bị lạm dụng và bỏ bê, trong đó 3/4 (76,0%) nạn nhân bị bỏ rơi, 16,0% bị xâm hại thể chất, 10,1% bị xâm hại tình dục và 0,2% bị buôn bán tình dục (U.S. Department of Health & Human Services, 2023) [2]. Tại châu Á, lạm dụng tình dục trẻ em là một trong những vấn đề sức khỏe cộng đồng lớn đáng lo ngại, từ 2,2-94% ở bé gái và 1,7-49,5% ở bé trai (Solehati et al., 2021) [3]. Tại Việt Nam, theo số liệu thống kê của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Cục Trẻ em (2022), trong quý I năm 2022, tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em 111 đã tiếp nhận hơn 202.000 cuộc gọi, tư vấn, trong đó có các trường hợp bị bạo lực, xâm hại tình dục, bắt cóc, mất tích hoặc bị bỏ rơi. Thống kê của Bộ Công an cho biết, toàn quốc trong năm 2022, đã phát hiện 1.711 vụ xâm hại trẻ em với 1.806 trẻ em (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Cục Trẻ em, 2022) [4]. Như vậy, tình trạng xâm hại trẻ em ở nước ta đang diễn ra với mức độ đáng báo động. Walsh và cộng sự (2015) nhấn mạnh chiến lược phòng ngừa xâm hại trẻ em được sử dụng rộng rãi nhất là cung cấp chương trình giáo dục tại trường tiểu học [5]. Các tổ chức bảo vệ trẻ em đều khẳng định phòng ngừa là công tác quan trọng nhất để hạn chế nạn xâm hại trẻ em (Vũ Thị Phụng, 2017) [6]. Giáo dục phòng chống xâm hại cho học sinh cần thực hiện trong sự phối hợp các môi trường giáo dục, các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội với sự tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi cá nhân học sinh [7]. Vì thế, việc coi trọng giáo dục phòng ngừa xâm hại trẻ em mang ý nghĩa nhân văn và cấp thiết

Theo thống kê của UNFPA: “9 tuổi là độ tuổi trung bình mà trẻ em bị xâm hại tình dục trên toàn thế giới trong đó, cứ 4 bé gái có 1 bé bị xâm hại tình dục, cứ 6 bé trai có 1 bé bị xâm hại tình dục, trung bình cứ 8 tiếng lại có thêm một trẻ em bị xâm hại tình dục và đặc biệt 93% đối tượng phạm tội là người thân quen với gia đình nạn nhân, 47% thủ phạm là người thân của nạn nhân”. Khảo sát của tổ chức Y tế thế giới và Văn phòng Tội phạm chất kích thích của Liên Hiệp Quốc (WHO, UNODC & UNDP, 2014) trên 133 quốc gia với 6.1 tỉ người có đến 25% những người trưởng thành, 20% phụ nữ trong mẫu khảo sát đã tiết lộ họ là nạn nhân của xâm hại và xâm hại tình dục khi còn nhỏ [8]. Đáng chú ý, những hành vi xâm hại trẻ em đã vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực đạo đức, nhiều vụ xâm hại tình dục cảnh báo về sự suy đồi đạo đức (hiếp dâm tập thể, thầy giáo xâm hại tình dục nhiều học sinh,...); tình trạng loạn luân, cha đẻ xâm hại tình dục con gái ruột, cha dượng hiếp dâm con cái riêng của vợ trong một thời gian dài... khiến dư luận phẫn nộ [9]. Đồng bộ hóa chương trình giáo dục giới tính, có tính đến nội dung giáo dục phòng chống

xâm hại tình dục trẻ em bắt buộc trong nhà trường tiểu học hiện nay [10]. Tập huấn, hướng dẫn học sinh về văn hóa ứng xử, phòng chống bạo lực, xâm hại [11].

Tuy nhiên, thực tế triển khai giáo dục phòng chống XHTD tại các trường học, đặc biệt là ở các khu vực khó khăn như các trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) tiểu học ở các huyện miền núi, vẫn gặp rất nhiều thách thức. Các văn bản chỉ đạo đã được ban hành, nhưng trên thực tế, việc triển khai còn thiếu sự đồng bộ và hiệu quả. Nhiều trường thiếu tài liệu, chương trình giảng dạy phù hợp, và đội ngũ giáo viên chưa được trang bị đủ kỹ năng sư phạm để truyền đạt những vấn đề nhạy cảm như XHTD. Đặc biệt, với học sinh tiểu học tại các trường PTDTBT ở huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên, nơi có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, vấn đề giáo dục phòng chống XHTD càng trở nên cấp bách. Các nghiên cứu và thực trạng triển khai giáo dục phòng chống XHTD cho nhóm học sinh này vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ, dẫn đến nhiều hạn chế trong việc đảm bảo an toàn cho trẻ em trong môi trường học đường.

Sự cần thiết của các hoạt động giáo dục phòng chống XHTD trẻ em, đặc biệt là tại các trường PTDTBT, không chỉ giúp bảo vệ trẻ em khỏi các nguy cơ xâm hại, mà còn góp phần xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện. Vì vậy, nghiên cứu này với mục đích làm rõ thực trạng và phân tích những khó khăn trong việc triển khai giáo dục phòng chống XHTD tại các trường PTDTBT, từ đó đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục phòng chống XHTD cho học sinh tiểu học ở các vùng dân tộc thiểu số.

Từ đó, bài viết không chỉ cung cấp một cái nhìn tổng quan về tình hình giáo dục phòng chống XHTD trong các trường tiểu học vùng sâu, vùng xa mà còn đưa ra những giải pháp thực tiễn và đề xuất cải tiến trong công tác giáo dục này. Nghiên cứu sẽ đóng góp vào việc xây dựng một môi trường học đường an toàn, đồng thời nâng cao năng lực tự bảo vệ cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả nghiên cứu xây dựng phiếu điều tra gồm các câu hỏi đóng và câu hỏi mở. Khảo sát 12 trường PTDTBT TH huyện Mường Nhé, có 360 GV, 180 phụ huynh, 36 CBQL, 360 học sinh lớp 4, lớp 5. Thang đo được xây dựng theo thang thứ bậc Likert (5 mức độ: *Rất tốt, Tốt, Khá, Trung bình, Yếu*), tương ứng với thang điểm từ 1 đến 5 (điểm tối đa: 5 điểm, điểm tối thiểu: 1 điểm theo mức giảm dần). Dùng phương pháp thống kê toán học, phần mềm SPSS 22.0 để phân tích và xử lý số liệu thống kê làm cơ sở để đánh giá thực trạng về giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học, nghiên cứu tại các trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

2.2. Kết quả nghiên cứu.

2.2.1. Kết quả khảo sát

Qua tổng hợp các nghiên cứu về thực trạng các hoạt động giáo dục phòng chống xâm hại tình dục tại các trường tiểu học cho thấy học sinh có nhận thức khá tốt về vấn đề phòng chống xâm hại tình dục, nhưng vẫn còn thiếu hụt về kỹ năng thực tế trong việc nhận diện và đối phó với các tình huống nguy hiểm. Mặc dù các hoạt động giáo dục đã được triển khai, nhưng mức độ tiếp thu và ứng dụng vào thực tế còn hạn chế, điều này cần được cải thiện qua việc nâng cao chất lượng giảng dạy và tăng cường các hoạt động thực hành kỹ năng tự bảo vệ chỉ ra mức độ thái độ của học sinh và một số kỹ năng của học sinh trong việc phòng chống xâm hại tình dục. Kết quả khảo sát về thái độ và kỹ năng ... của học sinh sẽ được trình bày chi tiết trong các bảng dưới đây.

Kết quả khảo sát thu được từ Bảng 1 cho thấy ĐTB chung có kết quả 1.61, ĐLC 0.65, với từng biểu hiện cụ thể: Về thái độ tiêu cực: các biểu hiện 1, 2, 3 đánh giá bản thân ở có điểm ĐTB từ 1.17 đến 1.19, ĐLC 0.43 đến 0.46.

Bảng 1. Đánh giá về mức độ biểu hiện thái độ phòng chống XHTD ở học sinh

STT	Biểu hiện trạng thái	ĐTB	ĐLC
1	Nhiệt tình, cực tích tham gia	1.19	0.44
2	Có tham gia tích cực	1.17	0.43
3	Hưởng ứng	1.18	0.46
4	Né tránh	2.07	0.85
5	Không tự nguyện tham gia	2.04	0.84
6	Thờ ơ, không quan tâm	2.02	0.9
	ĐTB	1.61	0.65

(Nguồn khảo sát của tác giả)

Về thái độ tích cực có kết quả ĐTB từ 2.02 đến 2.07, ĐLC từ 0.84 đến 0.9. Từ phân tích trên cho thấy: Có mâu thuẫn trong hai thái độ tích cực và tiêu cực của học sinh. Điều này cho thấy khả năng tự đánh giá bản thân ở học sinh còn hạn chế, các em không nhận thức được tầm quan trọng của phòng chống xâm hại tình dục...

Bảng 2. Đánh giá về kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục ở học sinh

Stt	Kỹ năng	ĐTB	ĐLC
1	Phòng ngừa thủ phạm XHTD và những thủ đoạn của chúng	1.59	0.61
2	Phòng ngừa địa điểm, tình huống có nguy cơ XHTD	1.61	0.61
3	Phòng ngừa đụng chạm không an toàn	1.58	0.58
4	Nhận diện cảnh báo chạm	1.43	0.56
5	Nhận diện cảnh báo nhìn	1.46	0.61
6	Nhận diện cảnh báo nghe	1.51	0.62
7	Nhận diện cảnh báo ôm	1.52	0.59
8	Hiểu rõ cảm xúc của bản thân	1.58	0.62
9	Làm chủ cảm xúc của mình trước xâm hại tình dục	1.54	0.57
10	Tự ứng phó với hành vi xâm hại tình dục	1.48	0.58
11	Tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng	1.47	0.61
12	Kết hợp tự ứng phó với hành vi XHTD và tìm kiếm sự trợ giúp	1.55	0.61
	ĐTB	1.5	0.51

(Nguồn khảo sát của tác giả)

Kết quả Bảng 2 cho thấy ĐTB chung về kỹ năng phòng chống có giá trị 1.5, ĐLC 0.51, có 04 kỹ năng 4, 5, 10, 11 là các nội dung của phòng chống xâm hại tình dục mà CBQL, GV đánh giá học sinh kém nhất với ĐTB thấp nhất 1.43 đến 1.48, ĐLC từ 0.56 đến 0.61, các kỹ năng còn lại có kết quả cao hơn 1 chút, giao động từ 1.51 đến 1.59, ĐLC từ 0.57 đến 0.62. Từ kết quả đánh giá của giáo viên và phụ huynh, học sinh cho thấy các kỹ năng kiểm soát cảm xúc bản thân trước xâm hại tình dục đối với học sinh còn yếu

Bảng 3. Đánh giá mục tiêu giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh

STT	Mục tiêu giáo dục	ĐTB	ĐLC
1	Phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh	2,80	0,45
2	Ứng phó tích cực với xâm hại tình dục cho học sinh	1,87	0,49

3	GD nhận thức về phòng chống XHTD cho học sinh	2,67	0,46
4	Giáo dục thái độ và tình cảm tích cực về phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh	2.31	0,49
5	GD hành vi phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh	1,98	0,33
	ĐTB	2.31	0.44

(Nguồn khảo sát của tác giả)

Kết quả khảo sát cho thấy nhà trường tiểu học nói chung và đội ngũ CBQL, GV nói riêng đã nhận thức được mục tiêu quan trọng của GD phòng chống xâm hại tình dục là phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh với ĐTB= 2.31, ĐLC 0.44. Cụ thể các mục tiêu: mục tiêu 2 trang bị kỹ năng ứng phó tích cực với xâm hại tình dục cho học sinh chưa thực sự được coi trọng với ĐTB= 1.87, ĐLC 0.49. Quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tại đa số các trường PTDTBT TH trên địa bàn huyện Mường Nhé mới chỉ chú trọng tới giáo dục nhận thức với ĐTB=2.67, ĐLC 0.46, trong khi giáo dục thái độ và tình cảm tích cực có ĐTB=2.31, ĐLC 0.49; giáo dục hành vi thói quen tích cực về phòng chống xâm hại tình dục mới là yếu tố then chốt quyết định giúp học sinh bảo vệ bản thân an toàn thì lại chưa thực sự được chú trọng với ĐTB thấp gần tương đồng với nội dung 2, đạt 1.98, ĐLC 0.33. Chính vì vậy, khi đứng trước nguy cơ xâm hại tình dục, học sinh thường không có kỹ năng ứng phó tích cực để bảo vệ an toàn bản thân.

Bảng 4. Đánh giá nội dung giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh

Stt	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Giáo dục kỹ năng nhận diện hành vi XHTD	2.15	0.49
2	Giáo dục kỹ năng kiểm soát cảm xúc	2.52	0.37
3	Giáo dục kỹ năng phòng ngừa xâm hại tình dục	2.81	0.38
4	Giáo dục kỹ năng ứng phó với xâm hại tình dục	1.88	0.47
	ĐTB	2.34	0.43

(Nguồn khảo sát của tác giả)

Kết quả khảo sát từ Bảng 4 cho thấy các nội dung giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh còn hạn chế và chủ yếu mang tính hình thức, với điểm trung bình (ĐTB) là 2.34 và độ lệch chuẩn (ĐLC) là 0.43. Các nội dung giáo dục cụ thể chủ yếu tập trung vào phòng ngừa xâm hại tình dục, với ĐTB đạt 2.81 và ĐLC là 0.38, trong khi các nội dung giáo dục khác có sự mờ nhạt. Cụ thể, nội dung về nhận diện xâm hại tình dục có ĐTB là 2.15 và ĐLC là 0.49, trong khi nội dung 4 có ĐTB thấp nhất, chỉ đạt mức 1.88. Kết quả này chỉ ra rằng giáo viên hiện chỉ chú trọng vào việc giảng dạy và lồng ghép một số nội dung cơ bản, như kiến thức về cơ thể, giới tính, sức khỏe sinh sản, quản lý cảm xúc, ứng phó với tình huống và các quy tắc an toàn, không an toàn – những nội dung mà giáo viên đã được tập huấn. Tuy nhiên, các nội dung giáo dục khác ít được giáo viên hướng dẫn cho học sinh.

Bảng 5. Đánh giá giải pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Phương pháp làm mẫu hành vi	1.90	0.54
2	Phương pháp tổ chức trò chơi	1.88	0.54
3	Phương pháp đóng vai (Sân khấu hóa)	2.13	0.54
4	Phương pháp bài tập tình huống	1.88	0.55
5	Phương pháp hợp tác theo nhóm	1.87	0.54

6	Phương pháp kể chuyện	2.75	0.45
7	Phương pháp sử dụng phim, video clip, bài hát	2.32	0.51
8	Phương pháp nghiên cứu trường hợp	1.99	0.46
9	Phương pháp ôn luyện theo tình huống thực tế	1.92	0.53
10	Phương pháp diễn giảng	2.78	0.58
	ĐTB	2.14	0.52

(Nguồn khảo sát của tác giả)

Kết quả từ Bảng 5 cho thấy các giáo viên chưa sử dụng một cách linh hoạt và đa dạng các phương pháp giáo dục phòng chống xâm hại tình dục (XHTD) cho học sinh. Điều này được thể hiện qua điểm trung bình (ĐTB) chung của các phương pháp là 2.14, cho thấy sự hạn chế trong việc áp dụng các phương pháp giáo dục khác nhau. Phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng là phương pháp diễn giảng, với ĐTB là 2.78. Phương pháp này giúp giáo viên truyền đạt những kiến thức cơ bản về phòng chống XHTD một cách nhanh chóng và hiệu quả, mà không tốn nhiều thời gian. Phương pháp kể chuyện là phương pháp giáo dục thứ hai được sử dụng nhiều nhất, với ĐTB đạt 2.75. Tuy nhiên, các phương pháp giáo dục khác như đóng vai, trò chơi, hợp tác nhóm... và nghiên cứu trường hợp hầu như ít được giáo viên áp dụng. Như vậy để nâng cao hiệu quả giáo dục phòng chống XHTD, cần có sự đầu tư vào đào tạo và hướng dẫn giáo viên sử dụng các phương pháp giáo dục phong phú hơn, từ đó tăng cường khả năng tiếp cận và nhận thức của học sinh về vấn đề này.

Bảng 6. Đánh giá hình thức giáo dục phòng chống XHTD cho học sinh

STT	Hình thức giáo dục phòng chống xâm hại tình dục	ĐTB	ĐLC
1	Lồng ghép, tích hợp với hoạt động dạy học	2.56	0.54
2	Lồng ghép, tích hợp với hoạt động giáo dục tập thể	2.5	0.53
3	Tổ chức hoạt động giáo dục	2.55	0.44
4	Tổ chức tư vấn, tham vấn học đường	1.87	0.1
5	Sử dụng phương tiện thông tin đại chúng	2.54	0.32
6	Mở khóa tập huấn giáo dục phòng chống xâm hại tình dục	1.87	0.41
7	Tổ chức chủ đề giáo dục chuyên biệt	1.89	0.34
8	Tổ chức các buổi sinh hoạt	2.09	0.33
9	Thành lập câu lạc bộ	2.03	0.49
10	Phối hợp giáo dục giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội	1.86	0.4
	ĐTB	2.18	0.39

(Nguồn khảo sát của tác giả)

Từ kết quả khảo sát Bảng 7, tác giả nhận thấy hình thức giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh được sử dụng một cách đa dạng song chưa thường xuyên với ĐTB=2.14, ĐLC 0.39. Trong đó hình thức 1 giáo dục tích hợp phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh thông qua hoạt động dạy học có điểm cao nhất với ĐTB= 2.56, ĐLC 0.54; tiếp theo hình thức 3 có ĐTB 2.55, ĐLC 0.44, đứng thứ 3 là hình thức 5 có ĐTB 2.54, ĐLC 0,32, đứng thứ 4 là hình thức lồng ghép, tích hợp với tổ chức hoạt động giáo dục tập thể có điểm ĐTB= 2.50, ĐLC 0.53... Từ những lập luận và phân tích trên cho thấy: Mặc dù nhà trường nhận thức được tầm quan trọng và cần thiết của giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh song thực tế nội dung, phương pháp, con đường giáo dục phòng chống xâm hại tình dục chưa được phong phú và chưa được sử dụng thường xuyên.

Bảng 7. Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình giáo dục xâm hại tình dục cho học sinh

STT	Yếu tố ảnh hưởng	ĐTC	ĐLC
1	Tính tích cực của học sinh	2.99	0.48
2	Năng lực nhận thức	2.96	0.49
3	Đặc điểm tính cách	2.98	0.5
4	Kiến thức và trình độ hiểu biết	3	0.49
5	Phương pháp tự giáo dục	2.97	0.5
6	Kiến thức và tầm hiểu biết sâu rộng của cha mẹ	2.96	0.5
7	Bầu không khí tâm lý và môi trường gia đình	2.98	0.5
8	Kinh tế gia đình	2.97	0.51
9	Phương pháp giáo dục của cha mẹ	3.04	0.46
10	Cha mẹ phó mặc giáo dục cho nhà trường	3.04	0.51
11	Tương tác giữa người dạy và người học	3.02	0.49
12	Thời gian học	2.99	0.54
13	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	3	0.51
14	Chuyên môn của đội ngũ giáo viên về lĩnh vực giáo dục phòng chống xâm hại tình dục	2.99	0.52
15	Nội dung chương trình và tài liệu phòng chống xâm hại tình dục	3.02	0.53
16	Phong tục tập quán, văn hóa, tâm lý xã hội tại địa phương	2.96	0.52
17	Chính sách và các dịch vụ can thiệp, bảo vệ, chăm sóc trẻ	3.01	0.52
18	Sự phát triển của internet và các kênh thông tin	2.65	0.53
19	Môi trường sống xung quanh trẻ	3	0.53
20	Hoạt động truyền thông	3	0.54
	ĐTB	2.98	0.51

(Nguồn khảo sát của tác giả)

Kết quả khảo sát Bảng 7 cho thấy: Đánh giá của CBQL, GV, phụ huynh và học sinh cho thấy các yếu tố ảnh hưởng tới giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh là rất quan trọng, các yếu tố 9, 10 có điểm trung bình chung cao nhất cùng là 3.04; xếp vị trí thứ hai là yếu tố 11, 15 cùng TBT là 3.02; xếp vị trí thứ ba là yếu tố 17, có TBC là 3.01, đứng thứ tư là các yếu tố 4, 13, 19, 20 cùng có TBT là 3.0. Mặt khác, sự chênh lệch ĐTB chung giữa các yếu tố là không nhiều điều đó cho thấy: Quá trình giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh chịu sự tác động của cả các yếu tố bản thân học sinh; giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội và giữa các yếu tố này có mối tương quan thuận. Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng giáo dục cần có sự tác động đồng bộ của tất cả các yếu tố, có sự phối hợp giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội trên cơ sở năng lực, hứng thú của học sinh.

2.2.2. Đánh giá chung về thực trạng giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học tại các trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

Thực trạng giáo dục phòng chống xâm hại tình dục (XHTD) cho học sinh tiểu học tại các trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên, hiện đang đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Mặc dù các hoạt động giáo dục phòng chống XHTD đã được triển khai tại một số trường, nhưng còn thiếu sự đồng bộ và tính hiệu quả. Hầu hết các giáo viên

chỉ sử dụng một số phương pháp giáo dục truyền thống như giảng dạy lí thuyết và kể chuyện, điều này làm hạn chế sự tương tác và khả năng tiếp thu của học sinh. Các phương pháp giáo dục thực hành và tình huống thực tế như đóng vai, trò chơi hay nghiên cứu trường hợp vẫn chưa được chú trọng.

Ngoài ra, chương trình giảng dạy về phòng chống XHTD còn thiếu sót, chủ yếu chỉ tập trung vào kiến thức cơ bản về cơ thể, giới tính và một số quy tắc an toàn, mà chưa đi sâu vào những kĩ năng tự bảo vệ cụ thể. Đội ngũ giáo viên tại các trường PTDTBT cũng gặp khó khăn trong việc áp dụng các phương pháp giáo dục phù hợp do thiếu tài liệu, thiết bị hỗ trợ và sự tập huấn chuyên sâu về kĩ năng giảng dạy các chủ đề nhạy cảm như XHTD.

Bên cạnh đó, sự nhận thức và thái độ của học sinh, giáo viên và phụ huynh về vấn đề phòng chống XHTD vẫn còn hạn chế. Trong khi học sinh thiếu kĩ năng thực tế để nhận diện và ứng phó với tình huống nguy hiểm, giáo viên và phụ huynh cũng chưa hoàn toàn nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục phòng chống XHTD từ sớm. Điều này cho thấy cần phải có một chiến lược toàn diện và mạnh mẽ hơn trong việc nâng cao nhận thức và kĩ năng phòng chống XHTD cho học sinh tại các trường PTDTBT ở huyện Mường Nhé.

Về khó khăn: 100% CBQL, CBQL, GV đều khẳng định rất khó khăn trong việc bố trí thời gian GD phòng chống xâm hại tình dục, tiếp theo là họ gặp khó khăn trong việc hạn chế nguồn tài liệu hướng dẫn phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh; khó khăn từ việc thiếu thốn cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện tổ chức giáo dục... Điều này cũng đã được khẳng định rất rõ ràng trong công trình nghiên cứu của John Frederick, 2010: “CBQL, GV thường không được trang bị các kĩ năng hoặc không được tập huấn về phòng chống xâm hại tình dục, quyền trẻ em và các vấn đề về tình dục khác cho nên đôi khi chính họ cũng không đủ kĩ năng để trợ giúp các em học sinh bị xâm hại tình dục hoặc hướng dẫn các em tìm kiếm sự giúp đỡ. Một số trường học cũng đã cung cấp cho học sinh, địa chỉ của các dịch vụ hỗ trợ ngoài nhà trường để các em có thể đến tìm sự giúp đỡ khi bị xâm hại tình dục” [12].

Ảnh hưởng từ nhà trường tới GD phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh là lớn nhất; xếp vị trí thứ hai là ảnh hưởng của gia đình và ảnh hưởng từ bản thân học sinh và xếp vị trí cuối cùng là ảnh hưởng của xã hội. Tuy nhiên để GD phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh đạt hiệu quả cao thì cần có sự chung sức đồng lòng và phối hợp chặt chẽ của tất cả các lực lượng GD Gia đình - Nhà trường - Xã hội. Kết quả này là phù hợp với nghiên cứu của Alexander và Kempe (1984); Kelvin Lalor và Rosaleen Meletvaney, 2010 [13]; Hoàng Bá Thịnh 1998 “Cha mẹ thiếu hụt kiến thức về thể chất, tâm lí ở từng độ tuổi, không biết cách hướng dẫn trẻ về cơ thể, và rèn kĩ năng tự vệ là nguyên nhân quan trọng nhất từ phía gia đình ảnh hưởng tới thực trạng trẻ bị xâm hại tình dục” [13] và Đặng Nam 2007 “xâm hại tình dục trong gia đình hầu như không xảy ra ở những gia đình có văn hóa và nề nếp gia phong” [14].

Như vậy, kết quả khảo sát đã cho thấy: Cần phải thay đổi cách GD phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh để không chỉ GD kiến thức, thái độ mà quan trọng hơn là GD hành vi, thói quen tích cực. Đây là cơ sở đề xuất các biện pháp GD hiệu quả, thiết thực và khả thi nhằm khắc phục những khó khăn và những ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình GD phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh.

Nghiên cứu thực trạng GD phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh, tác giả dựa trên cơ sở tìm hiểu về tình hình xâm hại tình dục các trường PTDTBT TH trên địa bàn huyện Mường Nhé, thực trạng phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh; thực trạng GD phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh từ đó tác giả rút ra một số nhận xét: Mặc dù hầu hết cán bộ giáo viên nhà trường đều nhận thức được tầm quan trọng và cần thiết của công tác GD phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh song thực tế nội dung, hình thức hoạt động GD phòng chống xâm hại tình dục chưa được phong phú, đa dạng.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới quá trình giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh bao gồm: GD gia đình, GD nhà trường, GD xã hội và bản thân trẻ, trong đó, yếu tố nhà

trường được đánh giá là yếu tố chủ đạo, chiếm vị trí đặc biệt quan trọng đảm bảo sự thành công của quá trình giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh.

3. Kết luận

Giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học, đặc biệt tại các trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên, là một vấn đề cấp thiết và cần được quan tâm đúng mức. Mặc dù các chương trình giáo dục đã được triển khai, nhưng thực tế cho thấy hiệu quả chưa cao, chủ yếu do thiếu sự đa dạng và linh hoạt trong phương pháp giảng dạy. Việc sử dụng các phương pháp truyền thống như diễn giảng và kể chuyện giúp truyền đạt kiến thức cơ bản, nhưng thiếu sự tương tác và thực hành, điều này làm hạn chế khả năng tiếp thu và ứng dụng của học sinh trong cuộc sống thực tế.

Thêm vào đó, việc thiếu tài liệu, thiết bị hỗ trợ, và sự tập huấn chuyên sâu cho giáo viên về kỹ năng giảng dạy các vấn đề nhạy cảm khiến công tác giáo dục phòng chống xâm hại tình dục trở nên kém hiệu quả. Mặc dù học sinh ở khu vực này có nhận thức nhất định về các vấn đề cơ bản như quy tắc an toàn, nhưng thiếu kỹ năng thực tế trong việc nhận diện và phòng tránh các tình huống nguy hiểm. Để nâng cao hiệu quả giáo dục, cần có sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy, đồng thời tăng cường đào tạo giáo viên và cung cấp tài liệu, công cụ hỗ trợ phù hợp. Cũng cần chú trọng nâng cao nhận thức của phụ huynh và cộng đồng để cùng tham gia vào quá trình giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh.

Nghiên cứu đánh giá thực trạng giáo dục phòng chống xâm hại tình dục (XHTD) cho học sinh tiểu học tại các trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên, tập trung vào các mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục phòng ngừa XHTD. Kết quả cho thấy giáo dục chủ yếu tập trung vào kiến thức cơ bản và phương pháp diễn giảng, thiếu sự đa dạng trong phương pháp và hình thức giáo dục tương tác. Hạn chế của nghiên cứu là phạm vi khảo sát còn hạn chế và chưa phản ánh đầy đủ các phương pháp giáo dục tại các khu vực khác.

Bài viết đóng góp về lý luận và thực tiễn, làm rõ thực trạng và là cơ sở giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục với mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh tiểu học trong nghiên cứu tiếp theo, nhằm mục đích cải thiện hiệu quả giáo dục phòng chống XHTD, hướng tới môi trường học đường an toàn và nâng cao năng lực tự bảo vệ cho học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quyết định số 1863/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020 – 2025.
- [2] U.S. Department of Health & Human Services, (2023). *Child Maltreatment 2021*. <https://www.acf.hhs.gov/cb/dataresearch/child-maltreatment>
- [3] Solehati T, Pramukti I, Hermayanti Y, Kosasih CE & Mediani HS, (2021). Current of child sexual abuse in Asia: A systematic review of prevalence, impact, age of first exposure, perpetrators, and place of offence. *Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences*, 9(T6), 57-68.
- [4] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Cục Trẻ em, (2022). *Lên tiếng phòng, chống xâm hại, bạo lực trẻ em*. <https://www.molisa.gov.vn/baiviet/231428?tintucID=231428>
- [5] Walsh K, Zwi K, Woolfenden S & Shlonsky A, (2018). School-based education programs for the prevention of child sexual abuse: A Cochrane systematic review and meta-analysis. *Research on social work practice*, 28(1), 33-55. <https://doi.org/10.1177/1049731515619705>
- [6] VT Phượng, (2017). Bảo vệ trẻ em bằng pháp luật và sự chung tay của nhiều chủ thể. *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, 20(348), 17-21.

- [7] PTT Hằng & NTV Anh, (2024). Thực trạng giáo dục phòng ngừa xâm hại cho học sinh ở một số trường tiểu học huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. *Tạp chí Giáo dục*, 24(16), 47-52
- [8] PTM Thúy, (2017). *Cẩm nang phòng tránh xâm hại cho con*. NXB tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [9] Báo cáo kết quả giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em” theo Nghị quyết số 81/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội.
- [10] PD Hoa, TT Hang & NN Linh, (2020). Child sexual abuse education for primary students. *HNUE Journal of Sciences*, 65(12), ISSN 2354 - 1075.
- [11] NTN Liên, (2024). Thực trạng triển khai các hoạt động phòng ngừa, kiểm soát và xử lý rủi ro tại một số trường tiểu học, thành phố Hà Nội. *Tạp chí Khoa học giáo dục, trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 69(2), 116 – 124. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2024-0029>.
- [12] Frederick J, (2010). Sexual Abuse and Exploitation of Boys in South Asia: A Review of Research Findings, Legislation, Policy and Programme Responses. *A Review of Research Findings, Legislation, Policy and Programme Responses in Innocenti Working Papers: UNICEF Innoatui Research Centre*.
- [13] Kelvin L & Rosaleen M, (2010). “Child sexual abuse: Link to later sexual exploration/High-risk sexual behavior and Prevention/ Treatment program”. *Tiauma Violence and Abuse*, 11, 159 –177.
- [14] Đ Nam, (2007). Những vấn đề về xâm hại tình dục trẻ em qua đường dây tư vấn và hỗ trợ trẻ em (Child helpline) 18001567, in trong Hội thảo *Phòng chống xâm hại tình dục trẻ em từ lý luận đến thực tiễn*, Hà Nội: CEFACOM.
- [15] NTB Hạnh & TT Nguyệt, (2018). Kỹ năng phòng ngừa xâm hại tình dục của học sinh tiểu học tại thành phố Đà Nẵng. Kí yếu *Hội thảo khoa học Quốc tế Tâm lý học học đường lần thứ 6*, Hà Nội.